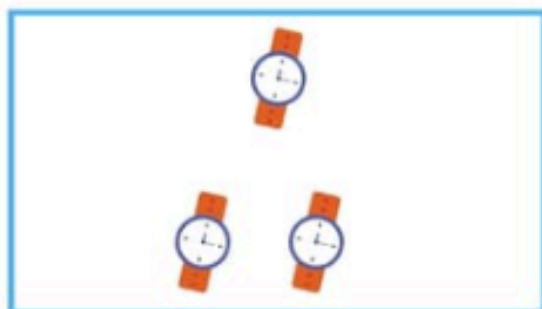


Bé làm quen các số từ 1 đến 10

Bé đếm số lượng ở hàng trên và hàng dưới sau đó viết tổng



Hàng trên	
Hàng dưới	



Tổng



Hàng trên	
Hàng dưới	



Tổng



Hàng trên	
Hàng dưới	



Tổng



Hàng trên	
Hàng dưới	



Tổng

PHÉP CỘNG

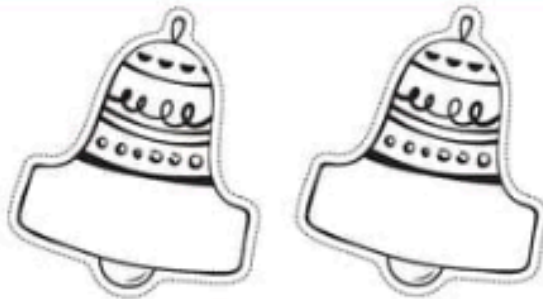
Bé hãy tô màu và thực hiện phép cộng.



4 +



3 +



1 +



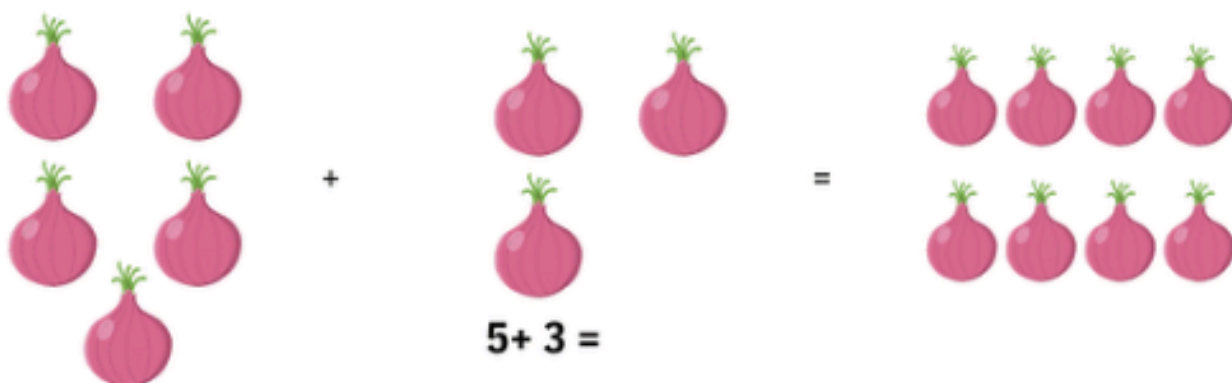
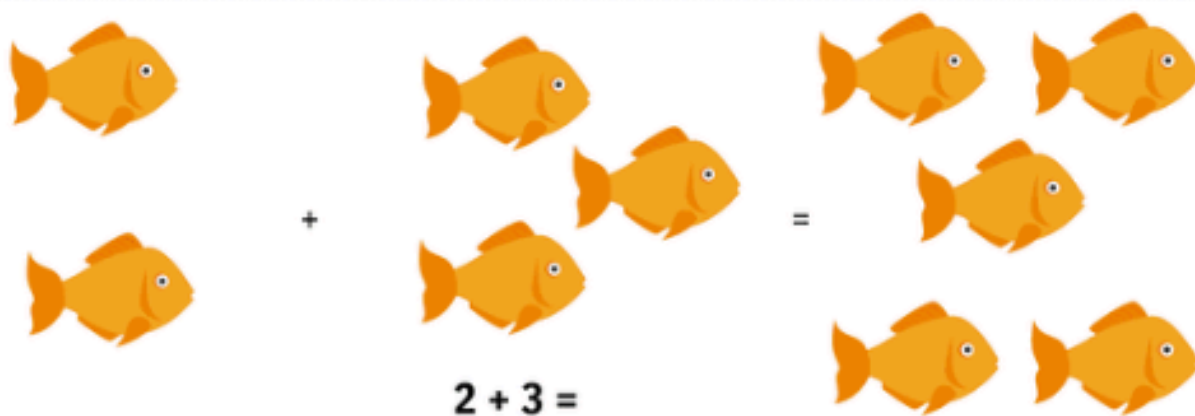
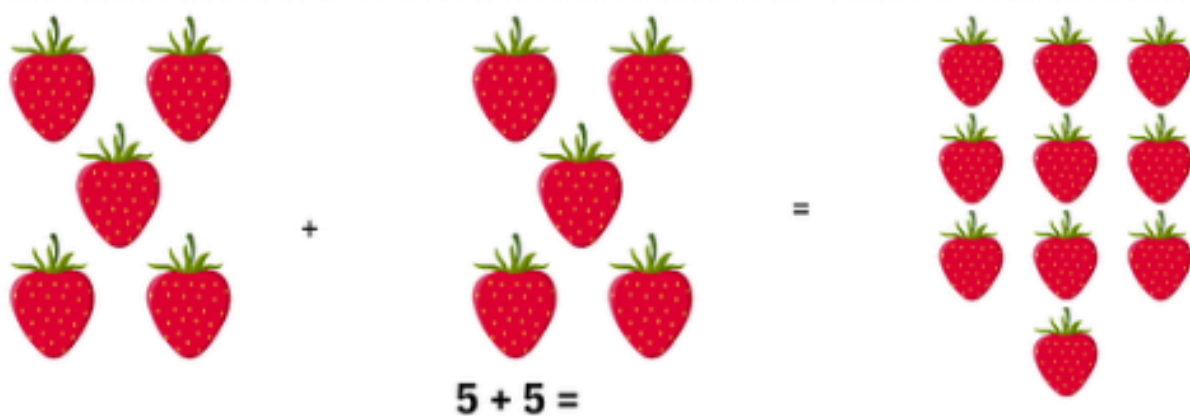
8 +





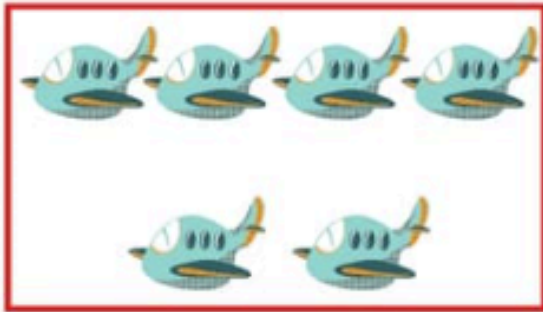
PHÉP CỘNG

Đếm và thực hiện phép cộng, sau đó viết phép tính xuống bên dưới



Bé làm quen các số từ 1 đến 10

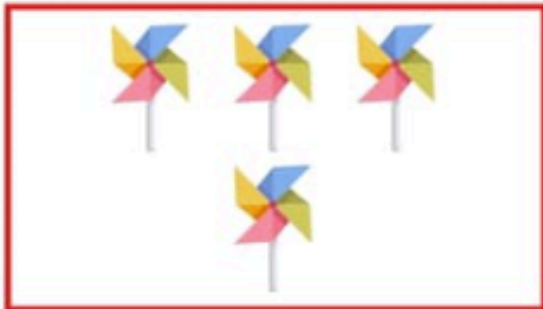
Bé đếm số lượng ở hàng trên và hàng dưới sau đó viết tổng



Hàng trên	
Hàng dưới	



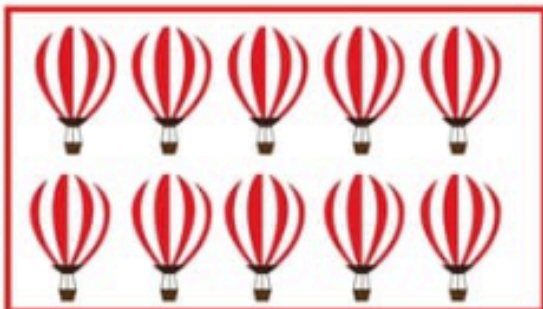
Tổng
.....



Hàng trên	
Hàng dưới	



Tổng
.....



Hàng trên	
Hàng dưới	



Tổng
.....



Hàng trên	
Hàng dưới	



Tổng
.....

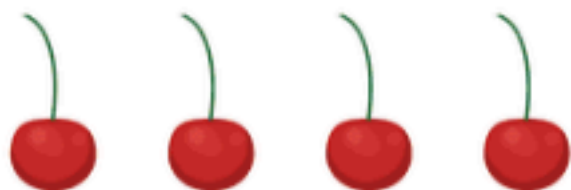


PHÉP CỘNG



Đếm và thực hiện phép cộng, sau đó tích (v) vào ô kết quả đúng bên dưới

$4 + 4 =$



8

☐

7

☐

6

☐

$5 + 5 =$



8

☐

9

☐

10

☐

$1 + 1 =$



3

☐

2

☐

1

☐

$3 + 3 =$



6

☐

5

☐

4

☐

PHÉP CỘNG



Đếm và thực hiện phép cộng các ngón tay trên các bàn tay.

  +   =

  +   =

  +   =

  +   =

  +   =



CỘNG NGÓN TAY



Đếm và thực hiện phép cộng các ngón tay trên hai bàn tay

  +  =

  +  =

  +  =

  +  =

  +  =

PHÉP CỘNG



Đếm và thực hiện phép cộng các ngón tay trên các bàn tay.

$$2 + 1 = \underline{\quad}$$

$$2 + 2 = \underline{\quad}$$

$$2 + 3 = \underline{\quad}$$

$$2 + 4 = \underline{\quad}$$

$$2 + 5 = \underline{\quad}$$



CỘNG NGÓN TAY



Đếm và thực hiện phép cộng các ngón tay trên hai bàn tay



+



=



+



=



+



=



+



=



+



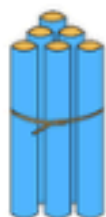
=



PHÉP CỘNG

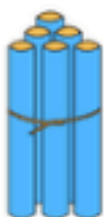


Đếm các que tính, sau đó thực hiện phép cộng và viết kết quả ra bên cạnh



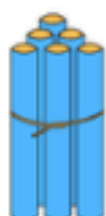
6

+



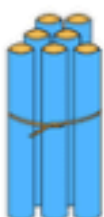
6

=



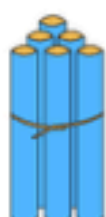
6

+



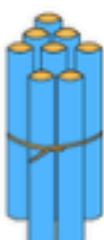
7

=



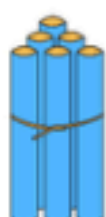
6

+



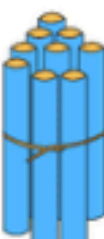
8

=



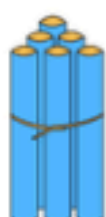
6

+



9

=



6

+



10

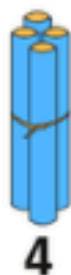
=



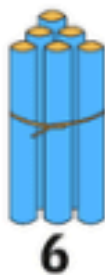
PHÉP CỘNG



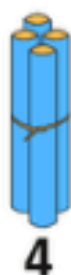
Đếm các que tính, sau đó thực hiện phép cộng và viết kết quả ra bên cạnh



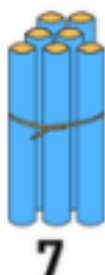
+



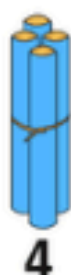
=



+



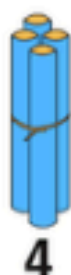
=



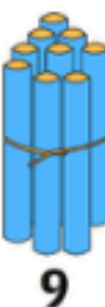
+



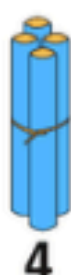
=



+



=



+



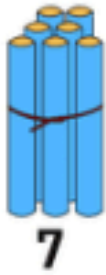
=



PHÉP CỘNG



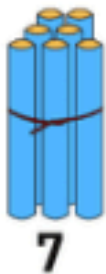
Đếm các que tính, sau đó thực hiện phép cộng và viết kết quả ra bên cạnh



+



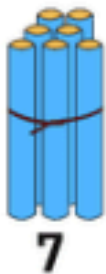
=



+



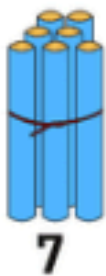
=



+



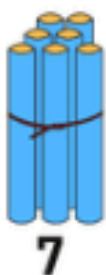
=



+



=



+



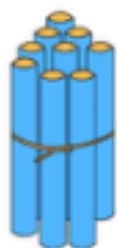
=



PHÉP CỘNG



Đếm các que tính, sau đó thực hiện phép cộng và viết kết quả ra bên cạnh



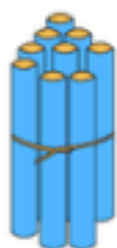
9

+



1

=



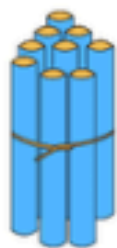
9

+



2

=



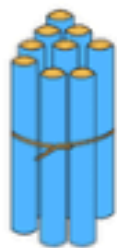
9

+



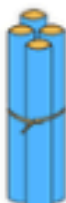
3

=



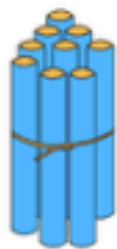
9

+



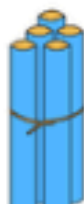
4

=



9

+

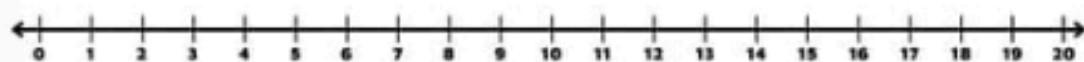


5

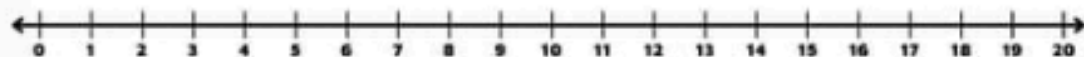
=

Đếm và viết câu trả lời đúng

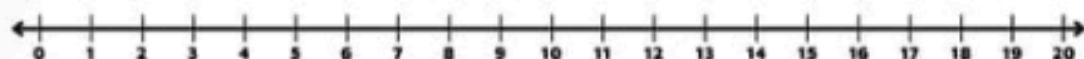
Thực hiện phép cộng trên trục số và viết câu trả lời đúng.



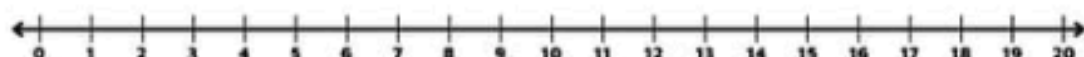
$9 + 1 =$



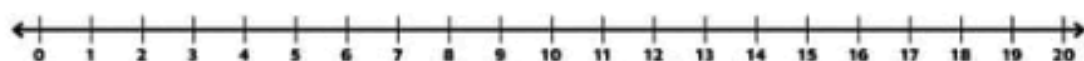
$9 + 2 =$



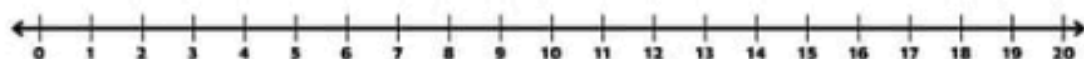
$9 + 3 =$



$9 + 4 =$



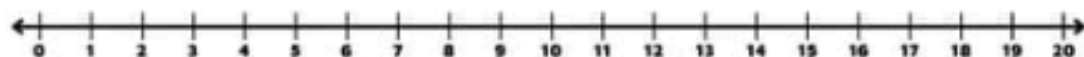
$9 + 5 =$



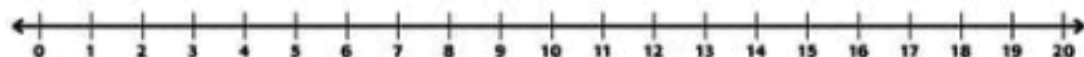
$9 + 6 =$



$9 + 7 =$



$9 + 8 =$



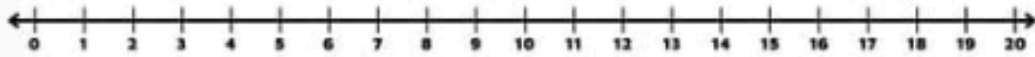
$9 + 9 =$



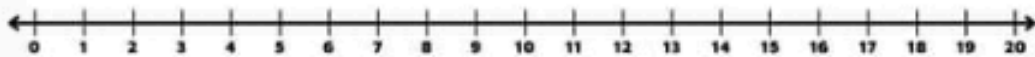
$9 + 10 =$

Đếm và viết câu trả lời đúng

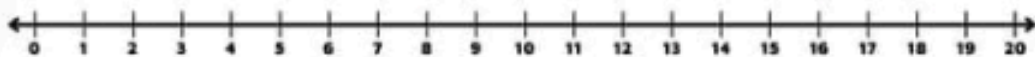
Thực hiện phép cộng trên trục số và viết câu trả lời đúng.



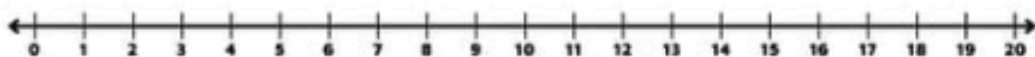
$3 + 1 =$



$3 + 2 =$



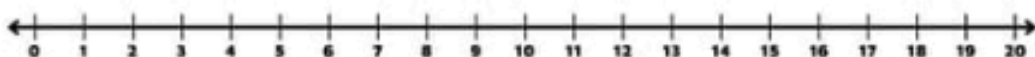
$3 + 3 =$



$3 + 4 =$



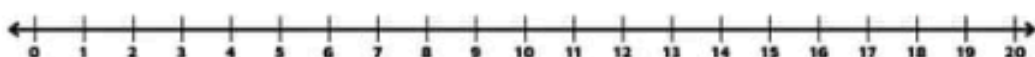
$3 + 5 =$



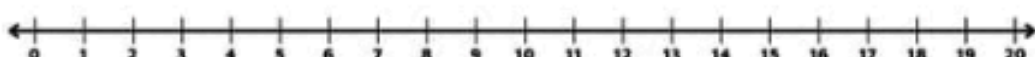
$3 + 6 =$



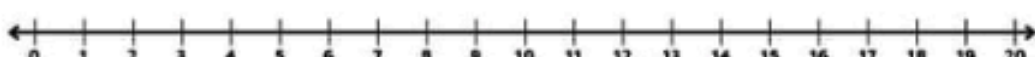
$3 + 7 =$



$3 + 8 =$



$3 + 9 =$



$3 + 10 =$



CỘNG TRÊN TRỤC SỐ



Thực hiện phép cộng bằng cách thể hiện trên trục số

$2 + 1 =$



$2 + 2 =$



$2 + 3 =$



$2 + 4 =$



$2 + 5 =$



$2 + 6 =$



$2 + 7 =$



$2 + 8 =$



$2 + 9 =$



$2 + 10 =$





CỘNG TRÊN TRỤC SỐ



Thực hiện phép cộng bằng cách thể hiện trên trục số

$4 + 1 =$



$4 + 2 =$



$4 + 3 =$



$4 + 4 =$



$4 + 5 =$



$4 + 6 =$



$4 + 7 =$



$4 + 8 =$



$4 + 9 =$



$4 + 10 =$



THỰC HIỆN PHÉP CỘNG

Bé hãy thực hiện phép cộng và điền kết quả đúng.



$$\begin{array}{r} 11 \\ +6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ +8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ +7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ +6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ +4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ +9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11 \\ +5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ +4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ +3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11 \\ +7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 13 \\ +5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ +1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ +5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 13 \\ +4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

THỰC HIỆN PHÉP CỘNG

Bé hãy thực hiện phép cộng và điền kết quả đúng.



$$\begin{array}{r} 9 \\ +6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ +8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ +7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ +6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ +4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ +9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ +5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ +4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ +3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ +7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ +5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14 \\ +1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ +5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 18 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11 \\ +4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 16 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

THỰC HIỆN PHÉP CỘNG

Bé hãy thực hiện phép cộng và điền kết quả đúng.



$$\begin{array}{r} 11 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ +3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 16 \\ +1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 13 \\ +4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15 \\ +4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 18 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 17 \\ +3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14 \\ +3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ +3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 18 \\ +0 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ +1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 20 \\ +0 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ +10 \\ \hline \end{array}$$

THỰC HIỆN PHÉP CỘNG

Bé hãy thực hiện phép cộng và điền kết quả đúng.



$$\begin{array}{r} 18 \\ +1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 13 \\ +6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 17 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ +0 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14 \\ +4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11 \\ +4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 16 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15 \\ +3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ +1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15 \\ +5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14 \\ +6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 13 \\ +4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 16 \\ +3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ +5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ +8 \\ \hline \end{array}$$

THỰC HIỆN PHÉP CỘNG

Bé hãy thực hiện phép cộng và điền kết quả đúng.



$$\begin{array}{r} 7 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ +3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ +0 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ +1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ +1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ +3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ +3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ +1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ +4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ +4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ +2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ +3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ +1 \\ \hline \end{array}$$

Bổ sung trái cây

Đếm và viết tổng số quả của mỗi nhóm.



	$\begin{array}{r} 5 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$
	$\begin{array}{r} 3 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$
	$\begin{array}{r} 5 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$
	$\begin{array}{r} 6 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$
	$\begin{array}{r} 7 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$
	$\begin{array}{r} 4 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$

CỘNG TRONG PHẠM VI 10



Khoanh tròn vào nhóm 2 số cộng lại với nhau để được kết quả bên trái.

2

$1+0$

$2+2$

$1+1$

4

$3+2$

$1+2$

$2+2$

8

$7+1$

$5+1$

$6+3$

6

$5+2$

$4+1$

$3+3$

10

$8+2$

$7+1$

$5+4$

7

$4+2$

$5+2$

$3+3$

5

$3+1$

$3+4$

$2+3$

3

$1+2$

$1+4$

$2+2$



PHÉP CỘNG



Khoanh tròn vào nhóm gồm hai số cộng lại với nhau để bằng số bên trái

2

$4+3$

$8+5$

$1+1$

4

$3+3$

$3+1$

$4+7$

5

$3+2$

$2+4$

$9+1$

1

$6+2$

$0+1$

$4+3$

6

$3+3$

$1+1$

$2+2$

3

$0+2$

$0+3$

$0+1$

9

$6+3$

$3+5$

$2+4$



THỰC HIỆN PHÉP CỘNG

Đếm và thực hiện phép cộng bên dưới

$1 + 4 = \square$

$6 + 0 = \square$

$8 + 3 = \square$

$5 + 2 = \square$

$7 + 1 = \square$

$4 + 4 = \square$

$2 + 5 = \square$

$9 + 6 = \square$

$3 + 1 = \square$

$0 + 9 = \square$

$5 + 4 = \square$

$1 + 1 = \square$

$6 + 0 = \square$

$3 + 2 = \square$

$4 + 7 = \square$

$2 + 3 = \square$

$5 + 5 = \square$

$6 + 1 = \square$

$2 + 8 = \square$

$1 + 3 = \square$

$2 + 6 = \square$

$5 + 7 = \square$

$3 + 9 = \square$

$8 + 2 = \square$

$7 + 1 = \square$

$9 + 0 = \square$

$4 + 3 = \square$

$6 + 2 = \square$

$3 + 3 = \square$

$1 + 9 = \square$

$8 + 1 = \square$

$4 + 5 = \square$

$2 + 3 = \square$

$7 + 6 = \square$

$4 + 2 = \square$

$2 + 2 = \square$

$1 + 4 = \square$

$9 + 7 = \square$

$3 + 1 = \square$

$5 + 0 = \square$

$6 + 4 = \square$

$3 + 1 = \square$

$7 + 0 = \square$

$5 + 8 = \square$

$2 + 5 = \square$

ĐIỀN SỐ CÒN THIẾU

Bé hãy điền số còn thiếu để hoàn thành phép cộng.



$6 + \underline{\quad\quad} = 18$

$14 + \underline{\quad\quad} = 18$

$12 + \underline{\quad\quad} = 17$

$19 + \underline{\quad\quad} = 20$

$11 + \underline{\quad\quad} = 14$

$13 + \underline{\quad\quad} = 16$

$15 + \underline{\quad\quad} = 18$

$12 + \underline{\quad\quad} = 14$

$10 + \underline{\quad\quad} = 19$

$17 + \underline{\quad\quad} = 18$

ĐIỀN SỐ CÒN THIẾU

Bé hãy điền số còn thiếu để hoàn thành phép cộng.



$4 + \underline{\quad\quad} = 13$

$6 + \underline{\quad\quad} = 12$

$7 + \underline{\quad\quad} = 15$

$5 + \underline{\quad\quad} = 13$

$8 + \underline{\quad\quad} = 14$

$9 + \underline{\quad\quad} = 16$

$10 + \underline{\quad\quad} = 12$

$3 + \underline{\quad\quad} = 9$

$4 + \underline{\quad\quad} = 7$

$7 + \underline{\quad\quad} = 17$

ĐIỀN SỐ CÒN THIẾU

Bé hãy điền số còn thiếu để hoàn thành phép cộng.



$9 + \underline{\quad\quad} = 12$

$2 + \underline{\quad\quad} = 8$

$5 + \underline{\quad\quad} = 15$

$8 + \underline{\quad\quad} = 16$

$2 + \underline{\quad\quad} = 12$

$3 + \underline{\quad\quad} = 9$

$7 + \underline{\quad\quad} = 10$

$9 + \underline{\quad\quad} = 11$

$4 + \underline{\quad\quad} = 7$

$5 + \underline{\quad\quad} = 13$



PHÉP CỘNG



Đếm số lượng các hình sau đó thực hiện phép cộng và viết kết quả vào ô bên phải

$$\boxed{\bullet \quad \bullet} + \boxed{\bullet \quad \bullet} = \boxed{}$$

$$\boxed{\star \star \star \star} + \boxed{\star \star \star} = \boxed{}$$

$$\boxed{\text{drop} \text{ drop} \text{ drop}} + \boxed{\text{drop} \text{ drop}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\bullet \bullet \bullet \bullet \bullet \bullet} + \boxed{\bullet \bullet} = \boxed{}$$

$$\boxed{\text{flower} \text{ flower} \text{ flower} \text{ flower} \text{ flower}} + \boxed{\text{flower} \text{ flower} \text{ flower} \text{ flower} \text{ flower}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\text{hexagon} \text{ hexagon} \text{ hexagon}} + \boxed{\text{hexagon} \text{ hexagon}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\star} + \boxed{\star} = \boxed{}$$



PHÉP CỘNG



Đếm số lượng các hình sau đó thực hiện phép cộng và viết kết quả vào ô bên phải

$$\boxed{\begin{array}{cc} \triangle & \triangle \end{array}} + \boxed{\begin{array}{c} \triangle \end{array}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\begin{array}{c} \star \end{array}} + \boxed{\begin{array}{ccc} \star & \star & \star \end{array}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\begin{array}{ccc} \blacksquare & \blacksquare & \blacksquare \end{array}} + \boxed{\begin{array}{ccc} \blacksquare & \blacksquare & \blacksquare \end{array}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\begin{array}{c} \blacksquare \end{array}} + \boxed{\begin{array}{c} \blacksquare \end{array}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\begin{array}{ccc} \bullet & \bullet & \bullet \\ \bullet & \bullet & \bullet \end{array}} + \boxed{\begin{array}{cc} \bullet & \bullet \\ \bullet & \bullet \end{array}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\begin{array}{cc} \rightarrow & \rightarrow \\ \rightarrow & \rightarrow \end{array}} + \boxed{\begin{array}{ccc} & \rightarrow & \\ \rightarrow & & \rightarrow \end{array}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\begin{array}{ccc} \text{flame} & \text{flame} & \text{flame} \end{array}} + \boxed{\begin{array}{cc} \text{flame} & \text{flame} \end{array}} = \boxed{}$$



PHÉP CỘNG



Đếm số lượng các hình sau đó thực hiện phép cộng và viết kết quả vào ô bên phải

$$\boxed{\text{5 red crosses}} + \boxed{\text{3 red crosses}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\text{2 blue triangles}} + \boxed{\text{1 blue triangle}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\text{5 red squares}} + \boxed{\text{4 red squares}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\text{2 green octagons}} + \boxed{\text{2 green octagons}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\text{1 purple bow}} + \boxed{\text{1 purple bow}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\text{5 yellow hexagons}} + \boxed{\text{5 yellow hexagons}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\text{2 teal leaves}} + \boxed{\text{8 teal leaves}} = \boxed{}$$



PHÉP CỘNG



Đếm số lượng các hình sau đó thực hiện phép cộng và viết kết quả vào ô bên phải

$$\begin{array}{|c|c|c|} \hline \blacksquare & \blacksquare & \blacksquare \\ \hline \blacksquare & \blacksquare & \blacksquare \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|c|} \hline \blacksquare & \blacksquare \\ \hline \blacksquare & \blacksquare \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|c|} \hline \color{green}\nabla & \color{green}\nabla \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|c|} \hline \color{green}\nabla & \color{green}\nabla \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline \color{brown}\bullet & \color{brown}\bullet & \color{brown}\bullet & \color{brown}\bullet & \color{brown}\bullet \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline \color{brown}\bullet & \color{brown}\bullet & \color{brown}\bullet & \color{brown}\bullet \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|c|c|c|} \hline \color{red}\heartsuit & \color{red}\heartsuit & \color{red}\heartsuit & \color{red}\heartsuit \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline \color{red}\heartsuit & \color{red}\heartsuit & \color{red}\heartsuit & \color{red}\heartsuit \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|c|} \hline \color{teal}\nabla & \color{teal}\nabla \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|c|c|} \hline \color{teal}\nabla & \color{teal}\nabla & \color{teal}\nabla \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|c|c|c|} \hline \color{green}\star & \color{green}\star & \color{green}\star & \color{green}\star \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \color{green}\star \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|c|c|} \hline \color{green}\spadesuit & \color{green}\spadesuit & \color{green}\spadesuit \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline \color{green}\spadesuit & \color{green}\spadesuit & \color{green}\spadesuit & \color{green}\spadesuit \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \end{array}$$



PHÉP CỘNG



Thực hiện các phép cộng bên dưới

1) $4 + 5 = ___$

$14 + 5 = ______$

$24 + 5 = ______$

$34 + 5 = ______$

5) $7 + 5 = ___$

$17 + 5 = ______$

$27 + 5 = ______$

$37 + 5 = ______$

2) $5 + 7 = ___$

$15 + 7 = ______$

$25 + 7 = ______$

$35 + 7 = ______$

6) $4 + 6 = ___$

$14 + 6 = ______$

$24 + 6 = ______$

$34 + 6 = ______$

3) $9 + 2 = ___$

$19 + 2 = ______$

$29 + 2 = ______$

$39 + 2 = ______$

7) $8 + 7 = ___$

$18 + 7 = ______$

$28 + 7 = ______$

$38 + 7 = ______$

4) $8 + 1 = ___$

$18 + 1 = ______$

$28 + 1 = ______$

$38 + 1 = ______$

8) $6 + 1 = ___$

$16 + 1 = ______$

$26 + 1 = ______$

$36 + 1 = ______$



PHÉP CỘNG



Thực hiện các phép cộng bên dưới

$$1) 1 + 1 = ___$$

$$11 + 1 = _____$$

$$21 + 1 = _____$$

$$31 + 1 = _____$$

$$5) 1 + 2 = ___$$

$$11 + 2 = _____$$

$$21 + 2 = _____$$

$$31 + 2 = _____$$

$$2) 7 + 2 = ___$$

$$17 + 2 = _____$$

$$27 + 2 = _____$$

$$37 + 2 = _____$$

$$6) 2 + 2 = ___$$

$$12 + 2 = _____$$

$$22 + 2 = _____$$

$$32 + 2 = _____$$

$$3) 9 + 1 = ___$$

$$19 + 1 = _____$$

$$29 + 1 = _____$$

$$39 + 1 = _____$$

$$7) 3 + 3 = ___$$

$$13 + 3 = _____$$

$$23 + 3 = _____$$

$$33 + 3 = _____$$

$$4) 1 + 8 = ___$$

$$11 + 8 = _____$$

$$21 + 8 = _____$$

$$35 + 2 = _____$$

$$8) 5 + 1 = ___$$

$$15 + 1 = _____$$

$$25 + 1 = _____$$

$$35 + 1 = _____$$



PHÉP CỘNG



Thực hiện các phép cộng bên dưới

1) $3 + 1 = ___$

$13 + 1 = ______$

$23 + 1 = ______$

$33 + 1 = ______$

5) $4 + 3 = ___$

$14 + 3 = ______$

$24 + 3 = ______$

$34 + 3 = ______$

2) $2 + 6 = ___$

$12 + 6 = ______$

$22 + 6 = ______$

$32 + 6 = ______$

6) $6 + 4 = ___$

$16 + 4 = ______$

$26 + 4 = ______$

$36 + 4 = ______$

3) $1 + 7 = ___$

$11 + 7 = ______$

$21 + 7 = ______$

$31 + 7 = ______$

7) $7 + 1 = ___$

$17 + 1 = ______$

$27 + 1 = ______$

$37 + 1 = ______$

4) $5 + 2 = ___$

$15 + 2 = ______$

$25 + 2 = ______$

$35 + 2 = ______$

8) $8 + 5 = ___$

$18 + 5 = ______$

$28 + 5 = ______$

$38 + 5 = ______$



PHÉP CỘNG



Thực hiện các phép cộng bên dưới

$$4 + 4 = 8$$

$$14 + 4 = 18$$

$$24 + 4 = 28$$

$$34 + 4 = 38$$

$$1) 3 + 6 = ___$$

$$13 + 6 = _____$$

$$23 + 6 = _____$$

$$33 + 6 = _____$$

$$4) 1 + 5 = ___$$

$$11 + 5 = _____$$

$$21 + 5 = _____$$

$$31 + 5 = _____$$

$$2) 8 + 1 = ___$$

$$18 + 1 = _____$$

$$28 + 1 = _____$$

$$38 + 1 = _____$$

$$5) 5 + 2 = ___$$

$$15 + 2 = _____$$

$$25 + 2 = _____$$

$$35 + 2 = _____$$

$$3) 2 + 4 = ___$$

$$12 + 4 = _____$$

$$22 + 4 = _____$$

$$32 + 4 = _____$$

$$6) 5 + 7 = ___$$

$$15 + 7 = _____$$

$$25 + 7 = _____$$



PHÉP TRỪ ĐỐI TƯỢNG



Thực hiện phép trừ và viết kết quả chính xác vào ô trống

$$\begin{array}{|c|} \hline \text{12 green leaves} \\ \hline \end{array} - \begin{array}{|c|} \hline \text{8 red leaves} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|} \hline \text{15 blue curved lines} \\ \hline \end{array} - \begin{array}{|c|} \hline \text{10 pink curved lines} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|} \hline \text{8 orange crescent moons} \\ \hline \end{array} - \begin{array}{|c|} \hline \text{4 teal crescent moons} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|} \hline \text{14 red triangles} \\ \hline \end{array} - \begin{array}{|c|} \hline \text{8 purple triangles} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|} \hline \text{1 green bow} \\ \hline \end{array} - \begin{array}{|c|} \hline \text{1 light blue bow} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|} \hline \text{13 purple hexagons} \\ \hline \end{array} - \begin{array}{|c|} \hline \text{5 dark red hexagons} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \\ \hline \end{array}$$



PHÉP TRỪ ĐỐI TƯỢNG



Thực hiện phép trừ và viết kết quả chính xác vào ô trống

$$\begin{array}{|c|} \hline \text{10 blue trapezoids} \\ \hline \end{array} - \begin{array}{|c|} \hline \text{9 pink trapezoids} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|} \hline \text{18 orange triangles} \\ \hline \end{array} - \begin{array}{|c|} \hline \text{8 green triangles} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|} \hline \text{5 pink circles} \\ \hline \end{array} - \begin{array}{|c|} \hline \text{4 purple circles} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|} \hline \text{4 red hearts} \\ \hline \end{array} - \begin{array}{|c|} \hline \text{4 orange hearts} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|} \hline \text{12 yellow stars} \\ \hline \end{array} - \begin{array}{|c|} \hline \text{6 blue stars} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|} \hline \text{10 blue squares} \\ \hline \end{array} - \begin{array}{|c|} \hline \text{4 red squares} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \\ \hline \end{array}$$



PHÉP TRỪ ĐỐI TƯỢNG



Thực hiện phép trừ và viết kết quả chính xác vào ô trống

$$\boxed{\begin{array}{cccc} \star & \star & \star & \star \end{array}} - \boxed{\begin{array}{c} \star \end{array}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\begin{array}{ccccc} \oplus & \oplus & \oplus & \oplus & \oplus \end{array}} - \boxed{\begin{array}{cccc} \oplus & \oplus & \oplus & \oplus \end{array}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\begin{array}{cccc} \ominus & \ominus & \ominus & \ominus \\ & \ominus & & \ominus \end{array}} - \boxed{\begin{array}{ccccc} \ominus & \ominus & \ominus & \ominus & \ominus \end{array}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\begin{array}{cccccc} \star & \star & \star & \star & \star & \star \\ & \star & & \star & & \star \end{array}} - \boxed{\begin{array}{cc} \star & \star \end{array}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\begin{array}{cccccc} \star & \star & \star & \star & \star & \star & \star & \star \\ \star & \star & \star & \star & \star & \star & \star & \star \end{array}} - \boxed{\begin{array}{cc} \star & \star \\ \star & \star \end{array}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\begin{array}{ccccc} \star & \star & \star & \star & \star \\ \star & \star & \star & \star & \star \end{array}} - \boxed{\begin{array}{ccc} \star & \star & \star \\ & \star & \star \end{array}} = \boxed{}$$



PHÉP TRỪ ĐỐI TƯỢNG



Thực hiện phép trừ và viết kết quả chính xác vào ô trống

$$\boxed{\begin{array}{cccc} \triangle & & \triangle & \\ & \triangle & & \triangle \\ \triangle & & \triangle & \end{array}} - \boxed{\begin{array}{ccccc} \triangle & & \triangle & & \triangle \\ & \triangle & & \triangle & \\ & & \triangle & & \end{array}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\begin{array}{cccccc} \triangle & \triangle & \triangle & \triangle & \triangle & \triangle \\ & \triangle & \triangle & \triangle & \end{array}} - \boxed{\begin{array}{ccc} \triangle & & \triangle \\ & \triangle & \end{array}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\begin{array}{ccccccccc} \square & \square & \square & \square & \square & \square & \square & \square \end{array}} - \boxed{\begin{array}{cccccc} \square & \square & \square & \square & \square & \square \end{array}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\begin{array}{ccc} \square & & \square \\ & \square & \\ \square & & \square \end{array}} - \boxed{\begin{array}{cccc} \square & \square & \square & \square \end{array}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\begin{array}{ccc} \bigcirc & \bigcirc & \bigcirc \end{array}} - \boxed{\begin{array}{cc} \bigcirc & \bigcirc \end{array}} = \boxed{}$$

$$\boxed{\begin{array}{ccccc} \rightarrow & \rightarrow & \rightarrow & \rightarrow & \rightarrow \\ \rightarrow & \rightarrow & \rightarrow & \rightarrow & \rightarrow \end{array}} - \boxed{\begin{array}{cc} \rightarrow & \rightarrow \\ \rightarrow & \rightarrow \end{array}} = \boxed{}$$

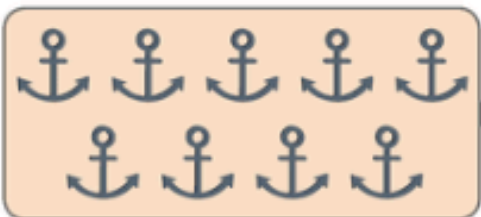


ĐẾM VÀ NÓI

Đếm các hình trong mỗi nhóm và nối với các số tương ứng sao cho đúng nhất.



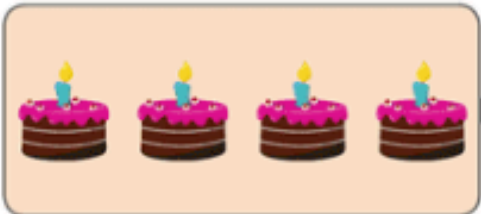
ONE 1



BỐN 4



SÁU 6



CHÍN 9

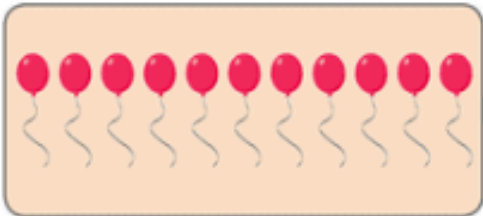


BA 3

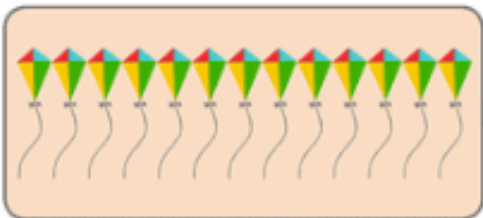


ĐẾM VÀ NÓI

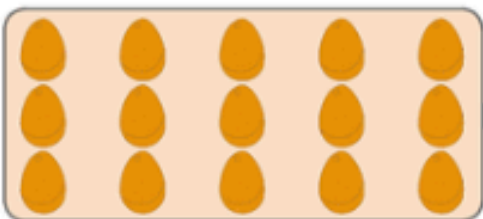
Đếm các hình trong mỗi nhóm và nối với các số tương ứng sao cho đúng nhất.



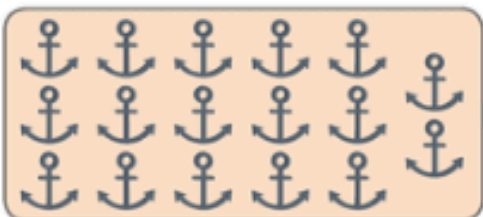
MƯỜI LĂM **15**



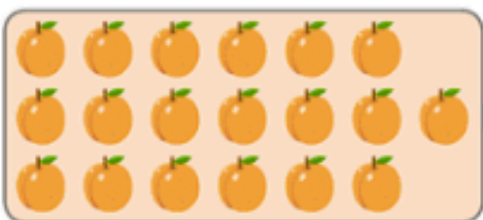
MƯỜI CHÍN **19**



MƯỜI BẢY **17**



MƯỜI MỘT **11**

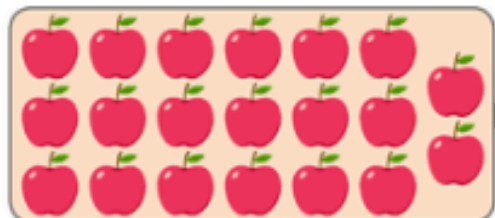


MƯỜI BA **13**



ĐẾM VÀ NÓI

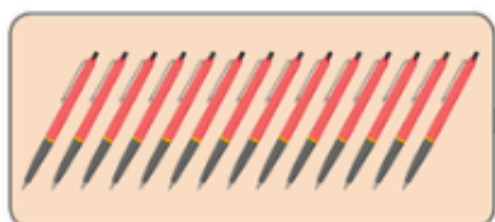
Đếm các hình trong mỗi nhóm và nối với các số tương ứng sao cho đúng nhất.



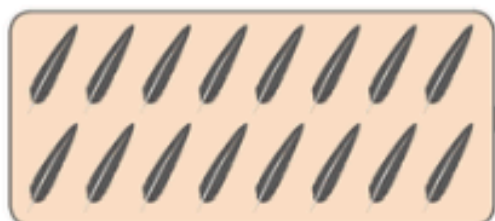
MƯỜI TÁM **18**



HAI MƯƠI **20**



MƯỜI HAI **12**



MƯỜI BỐN **14**



MƯỜI SÁU **16**



ĐẾM VÀ NÓI

Đếm các hình trong mỗi nhóm và nối với các số tương ứng sao cho đúng nhất.



MỘT

1



SÁU

6



BA

3



CHÍN

9

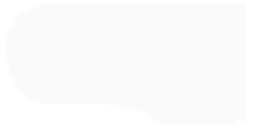


BẢY

7



ĐẾM CÁC HÌNH VÀ VIẾT SỐ LƯỢNG VÀO CÁC Ô





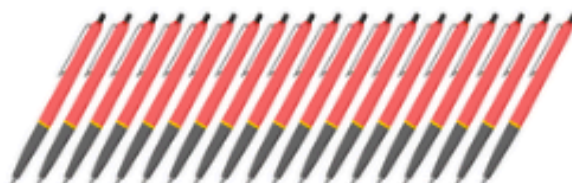
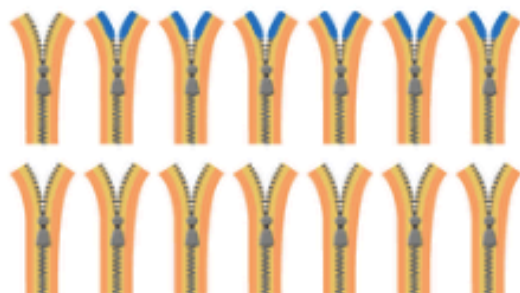
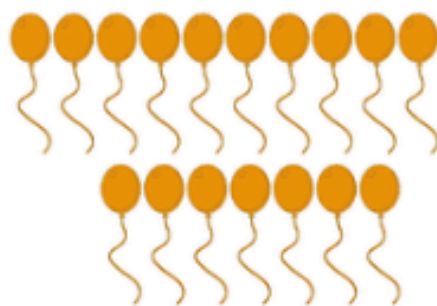
ĐẾM CÁC HÌNH VÀ VIẾT SỐ LƯỢNG VÀO CÁC Ô





ĐẾM VÀ VIẾT

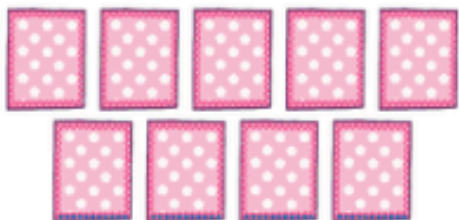
Đếm các hình ảnh và viết số lượng vào ô bên dưới





ĐẾM VÀ VIẾT

Đếm số lượng các hình ảnh và viết số lượng vào ô trống bên dưới.



SỐ LIÊN TRƯỚC VÀ SỐ LIÊN SAU



Bé hãy viết các số liền trước và số liền sau với số đã cho.

	18	
--	----	--

	4	
--	---	--

	11	
--	----	--

	16	
--	----	--

	15	
--	----	--

	9	
--	---	--

	19	
--	----	--

	17	
--	----	--

	13	
--	----	--

	14	
--	----	--

	12	
--	----	--

	10	
--	----	--

SỐ LIỀN TRƯỚC VÀ SỐ LIỀN SAU

Bé hãy viết các số liền trước và số liền sau với số đã cho.



8	9	10			7	
	6				11	
	3				3	
	5				5	
	12				4	
	18				2	

Sắp xếp các số theo thứ tự

Bé hãy sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé.

14 12 16 18 20

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

11 13 15 19 14

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

14 16 15 13 11

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

12 11 14 15 17

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

16 12 15 18 19

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

20 16 14 12 18

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

15 19 16 18 14

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

11 14 18 16 15

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

Sắp xếp các số theo thứ tự

Bé hãy sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé.

11 13 15 17 19

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

12 14 16 18 20

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

13 15 12 16 19

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

20 14 15 12 18

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

14 17 16 15 18

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

11 16 13 18 12

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

13 11 14 17 19

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

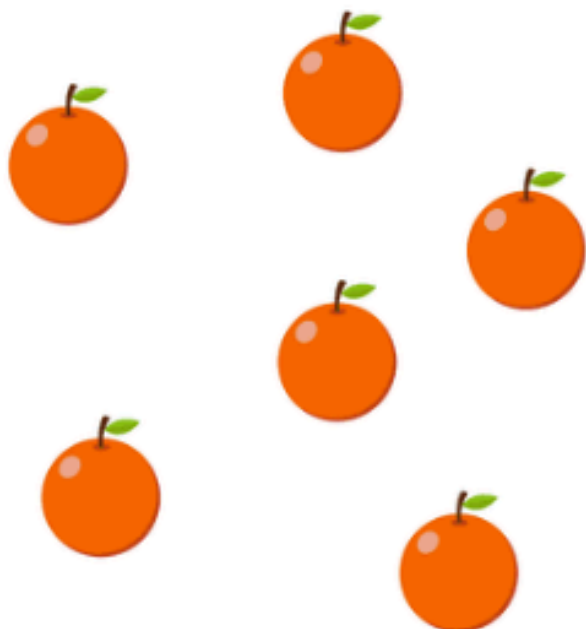
11 19 20 13 12

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------



ĐẾM VÀ CHỌN SỐ ĐÚNG

Đếm số lượng các hình trong mỗi nhóm sau đó tích (V) vào số thể hiện số lượng đúng.



1

2

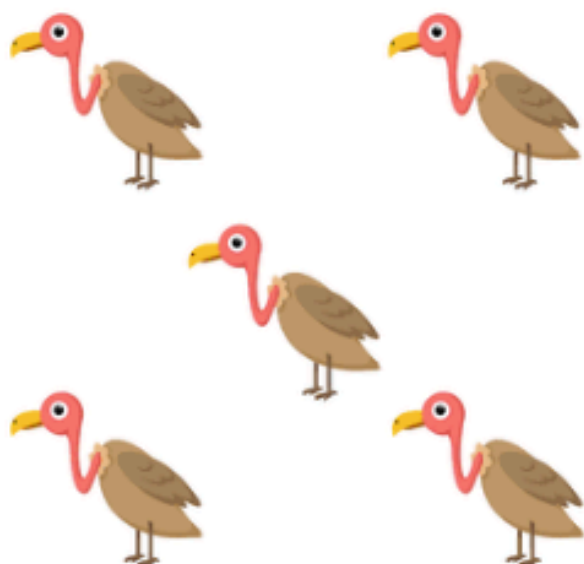
6



7

3

5



15

0

5



9

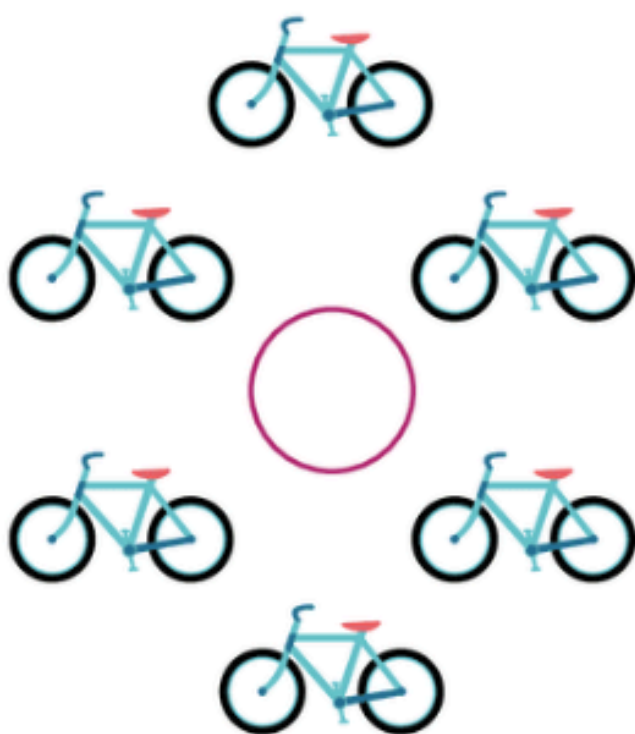
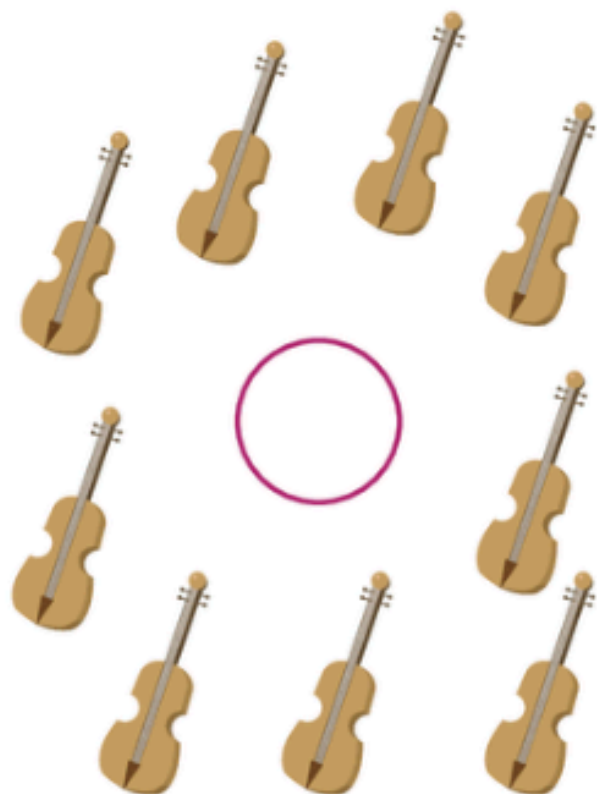
6

3



ĐẾM ĐỐI TƯỢNG

Đếm số lượng các hình trong mỗi nhóm, sau đó viết số lượng vào hình tròn.





ĐẾM VÀ CHỌN SỐ ĐÚNG

Đếm số lượng các hình trong mỗi nhóm sau đó tích (V) vào số thể hiện số lượng đúng.



8

4

1



2

5

13



12

6

3



4

3

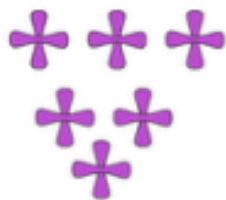
8



ĐẾM ĐỐI TƯỢNG

Khoanh tròn vào nhóm các hình phù hợp với số đã cho.

6



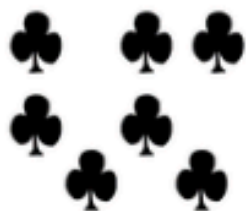
9



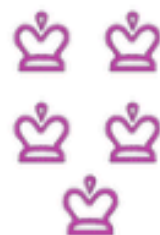
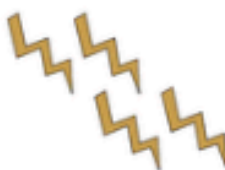
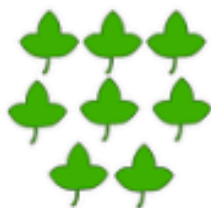
1



4



8



Đếm và nối số tương ứng

Đếm số lượng hình ảnh trong mỗi nhóm và nối với số lượng chính xác.

11



12



13



14



15



16



17



18



19



20



Đếm và nối số tương ứng

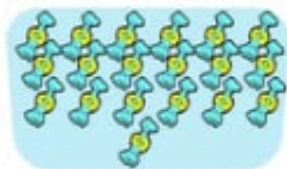
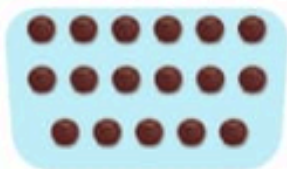
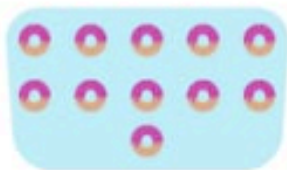
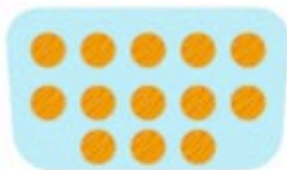
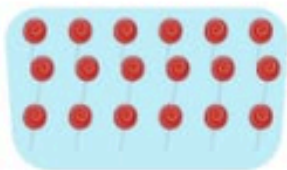
Đếm số lượng hình ảnh trong mỗi nhóm và nối với số lượng chính xác.

20

18

13

11



15

17

19

14

Đếm và nối số tương ứng

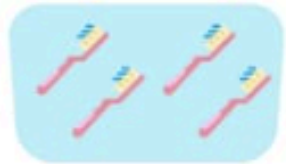
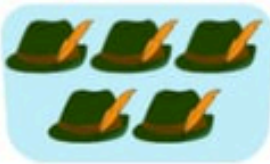
Đếm số lượng hình ảnh trong mỗi nhóm và nối với số lượng chính xác.

4

2

5

1



3

6

8

7

Đếm và nối số tương ứng

Đếm số lượng hình ảnh trong mỗi nhóm và nối với số lượng chính xác.

1



2



3



4



5



6



7



8



9



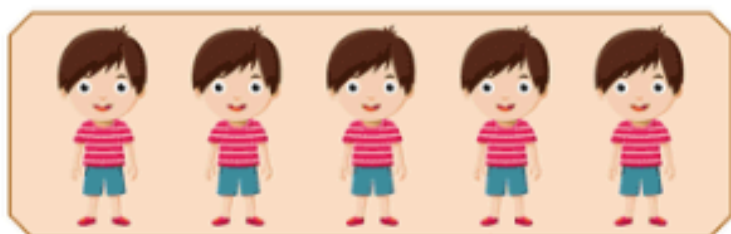
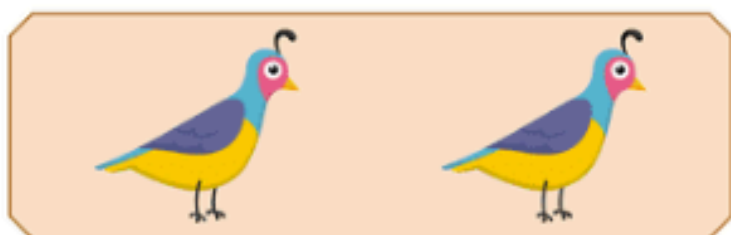
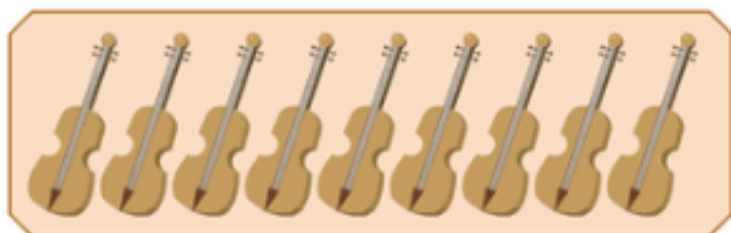
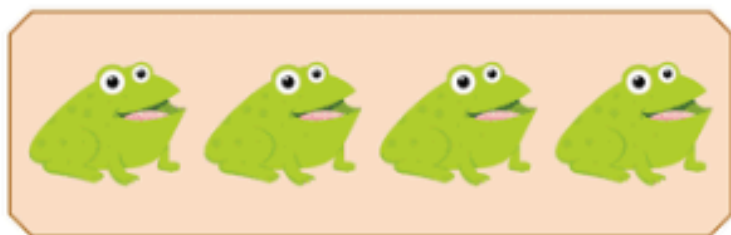
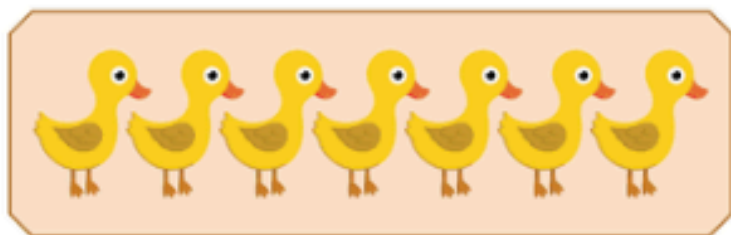
10





ĐẾM VÀ VIẾT

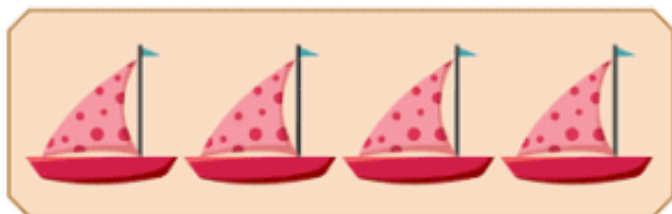
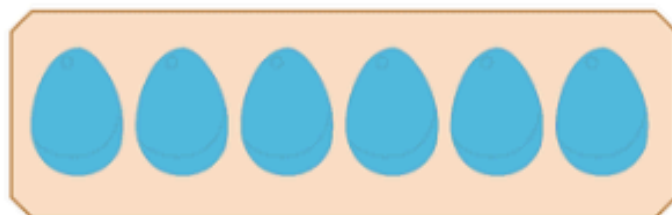
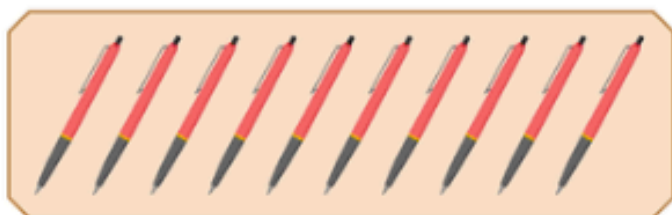
Đếm số lượng các hình trong mỗi nhóm, sau đó viết số lượng vào ô bên cạnh.





ĐẾM VÀ VIẾT

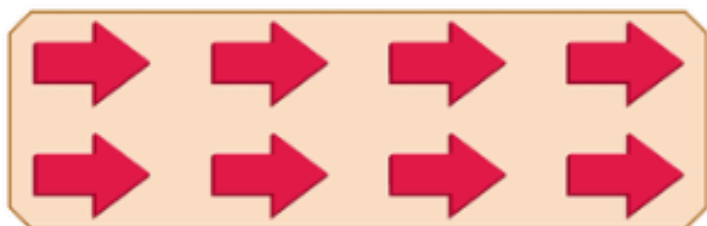
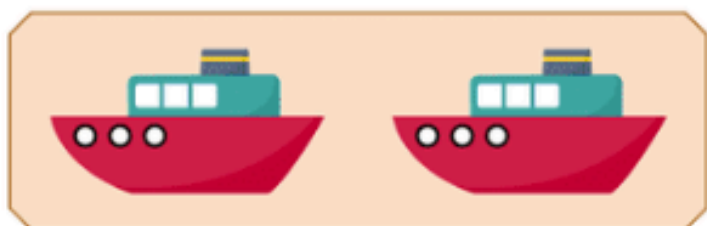
Đếm số lượng các hình trong mỗi nhóm, sau đó viết số lượng vào ô bên cạnh.





ĐẾM VÀ VIẾT

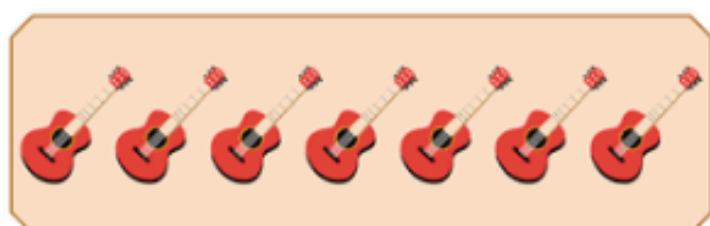
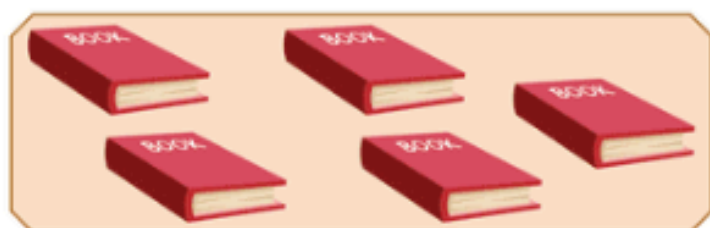
Đếm số lượng các hình trong mỗi nhóm, sau đó viết số lượng vào ô bên cạnh.





ĐẾM VÀ VIẾT

Đếm số lượng các hình trong mỗi nhóm, sau đó viết số lượng vào ô bên cạnh.

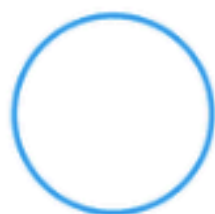




HÌNH GIỐNG NHAU



Tích (V) vào hình giống với hình mẫu thứ nhất

☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐



HÌNH GIỐNG NHAU

Dùng đường thẳng để nối các hình giống nhau





HÌNH GIỐNG NHAU



Dùng đường thẳng để nối các hình giống nhau





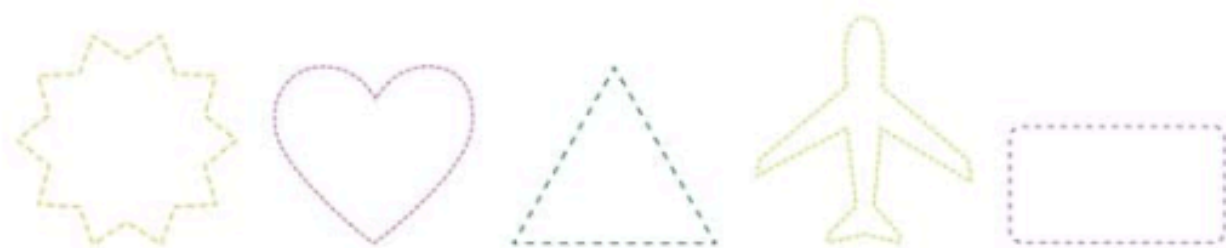
HÌNH GIỐNG NHAU

Dùng đường thẳng để nối các hình giống nhau



TÔ MÀU CÁC HÌNH DẠNG

Bé hãy quan sát và tô màu các hình dạng theo mẫu.



TÔ MÀU CÁC HÌNH DẠNG

Bé hãy quan sát và tô màu các hình dạng theo mẫu.



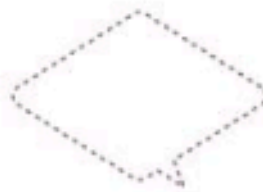
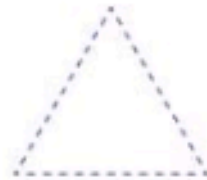
TÔ MÀU CÁC HÌNH DẠNG

Bé hãy quan sát và tô màu các hình dạng theo mẫu.



TÔ MÀU CÁC HÌNH DẠNG

Bé hãy quan sát và tô màu các hình dạng theo mẫu.





NHẬN BIẾT HÌNH DẠNG



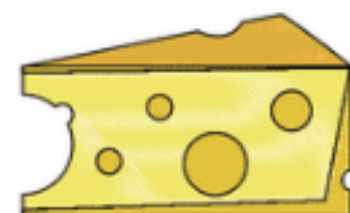
Tô màu các hình tam giác để giúp con thỏ ăn được củ cà rốt





NHẬN BIẾT HÌNH DẠNG

Tô màu hình bát giác để giúp con chuột ăn được miếng pho mát

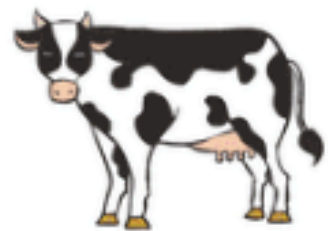




NHẬN BIẾT HÌNH DẠNG



Tô màu các hình tròn để giúp con bò tìm đường về nhà

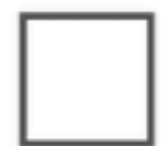
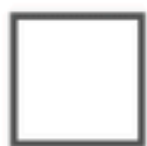
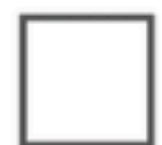
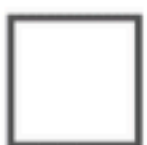
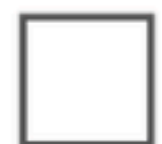
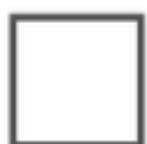
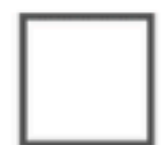
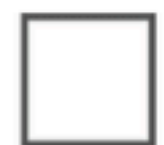
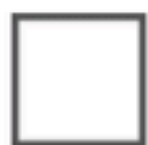
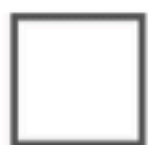
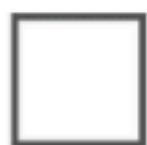
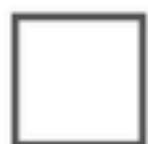
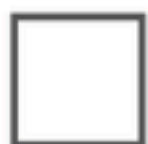
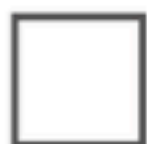




NHẬN BIẾT HÌNH DẠNG



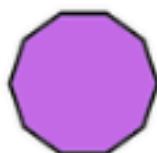
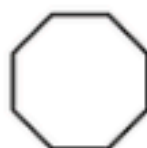
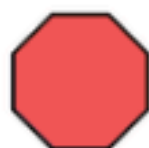
Tô màu các hình vuông để giúp con kiến tìm đường về nhà





HOÀN THÀNH CÁC HÌNH

Tô màu các hình bên dưới

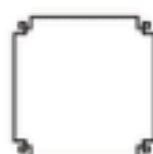
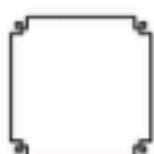
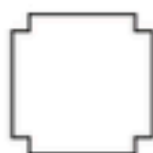




HOÀN THÀNH CÁC HÌNH



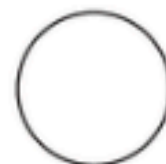
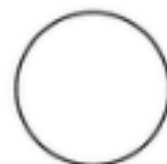
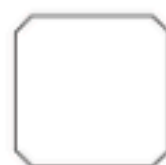
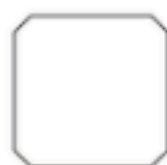
Tô màu các hình bên dưới





HOÀN THÀNH CÁC HÌNH

Tô màu các hình bên dưới

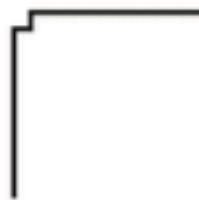




HOÀN THÀNH CÁC HÌNH



Vẽ các nét còn lại để hoàn thành các hình bên dưới

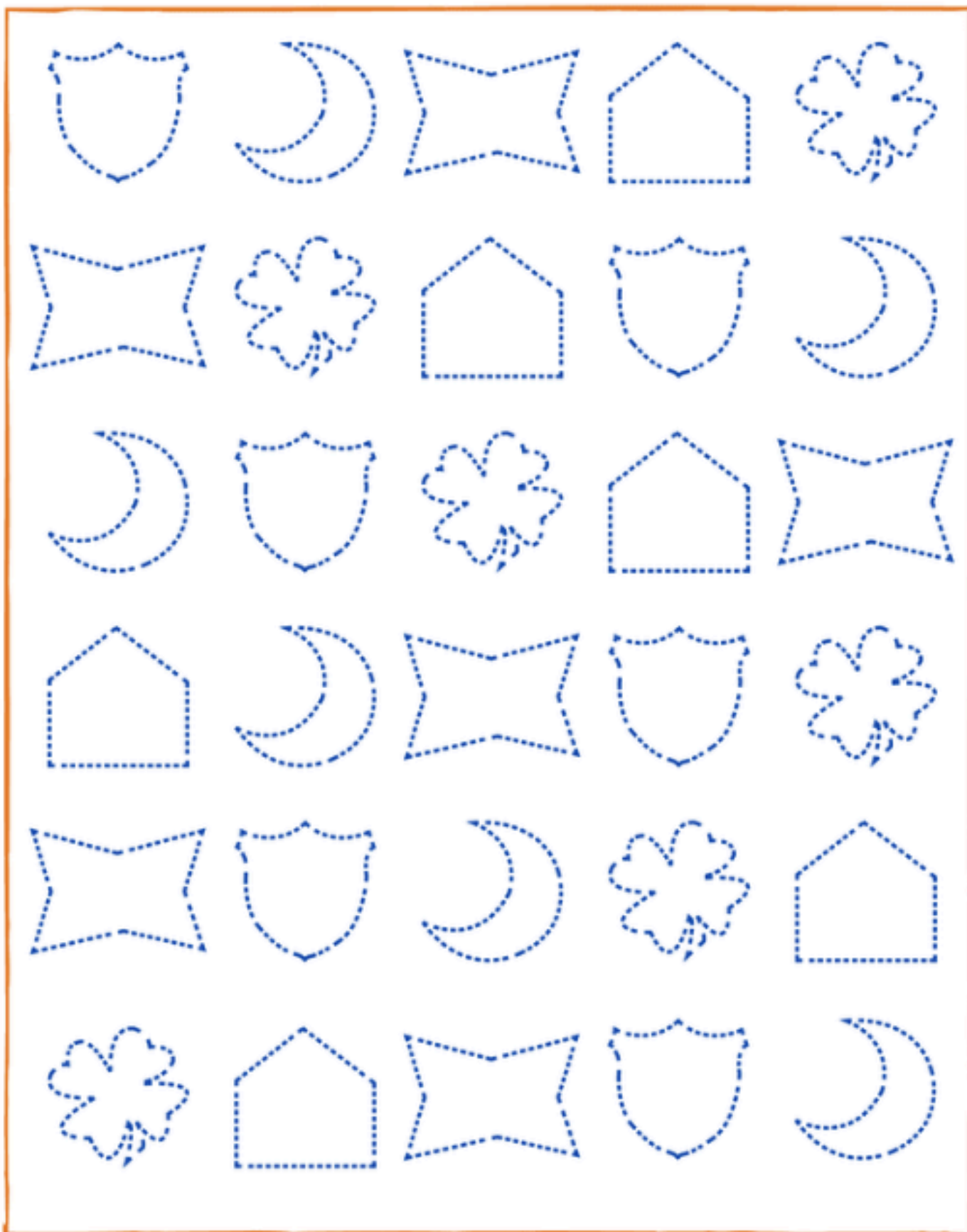




VẼ HÌNH THEO MẪU



Vẽ các hình bên dưới





VẼ HÌNH THEO MẪU



Vẽ các hình bên dưới

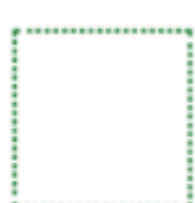
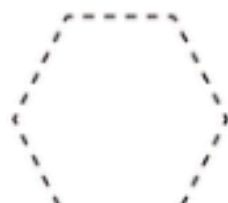
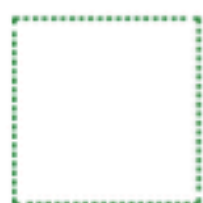
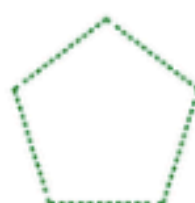
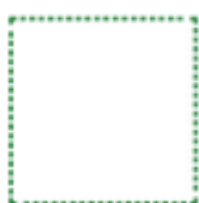
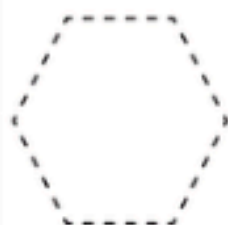
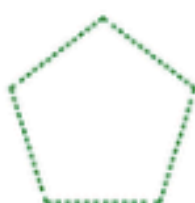
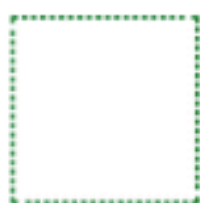
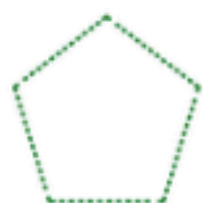
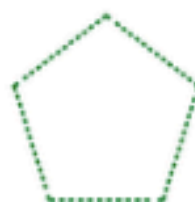




VẼ HÌNH THEO MẪU



Vẽ các hình bên dưới

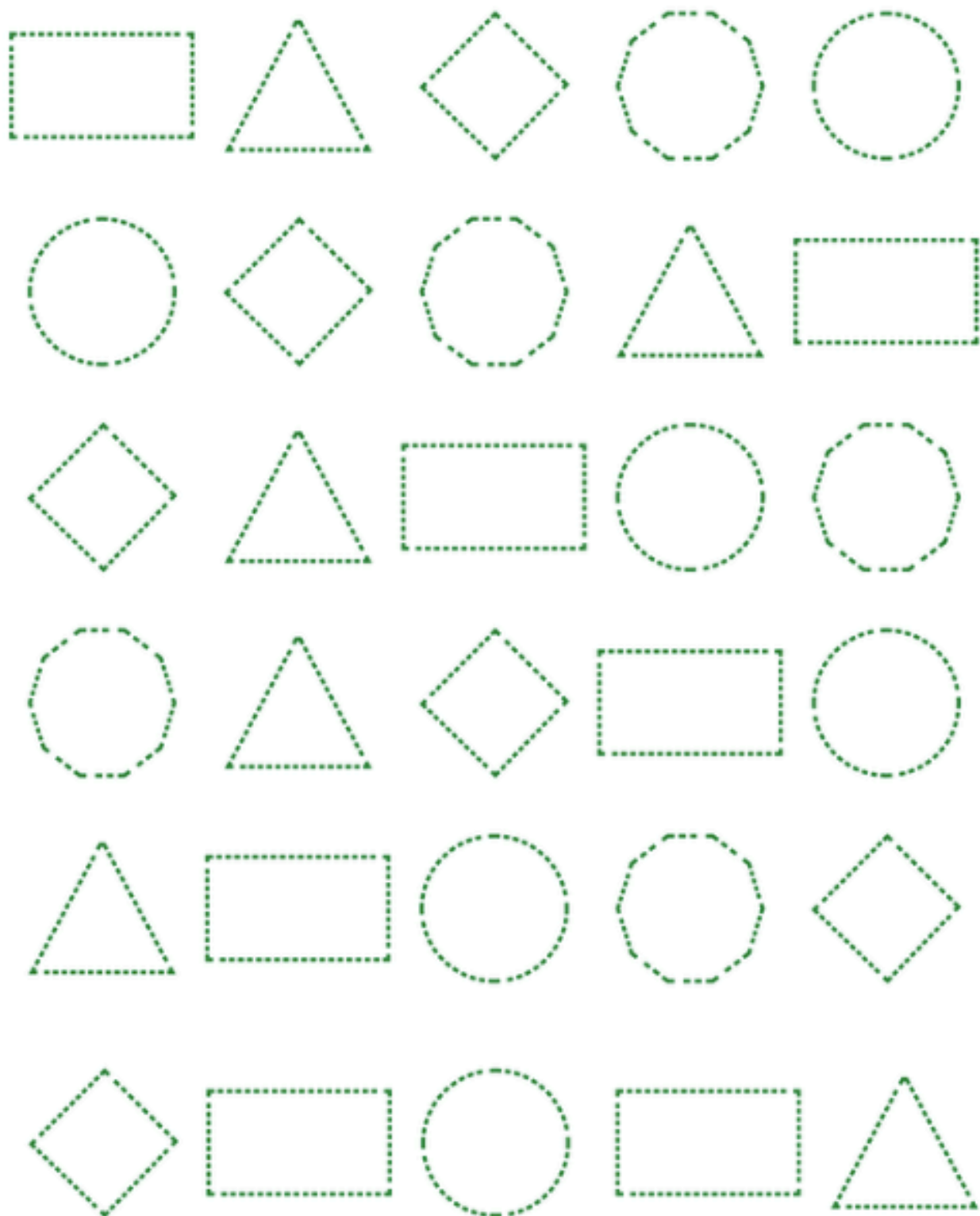




VẼ HÌNH THEO MẪU



Vẽ các hình bên dưới





HÌNH DẠNG



Tích (V) vào hàng có quy luật đúng với mẫu đã cho





HÌNH DẠNG



Tích (V) vào hàng có quy luật đúng với mẫu đã cho

☐☐☐☐☐☐



HÌNH DẠNG



Tích (V) vào hàng có quy luật đúng với mẫu đã cho





HÌNH DẠNG



Tích (V) vào hàng có quy luật đúng với mẫu đã cho

☐☐☐☐☐☐



TO VÀ NHỎ



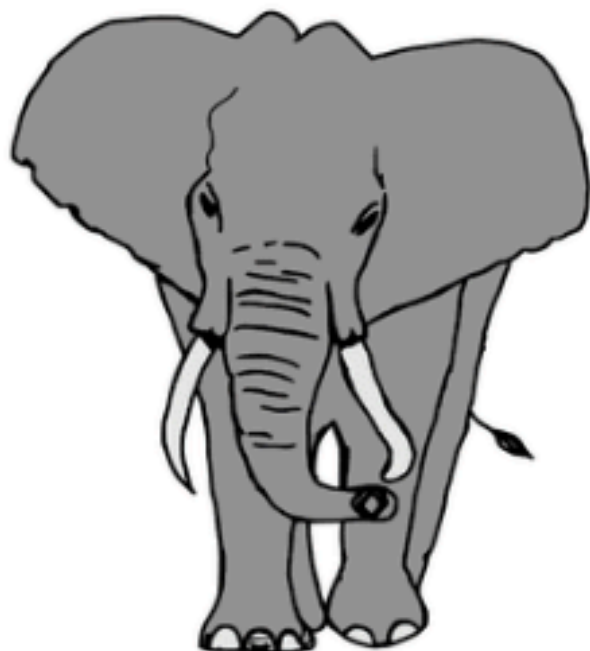
Tích (V) vào trái cây to hơn

☐☐☐☐



TO VÀ NHỎ

Tích (V) vào con vật to hơn

☐☐☐☐



TO VÀ NHỎ

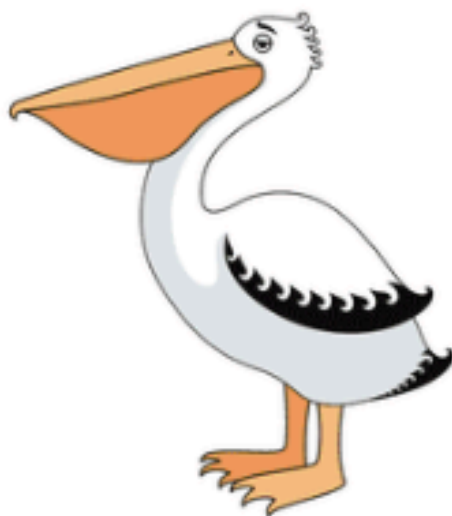
Tích (V) vào đồ vật nhỏ hơn

☐☐☐☐



TO VÀ NHỎ

Tích (V) vào con vật nhỏ hơn

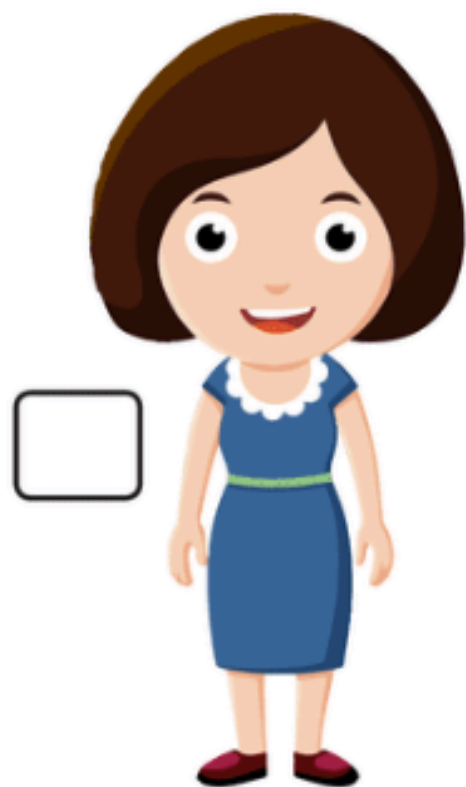
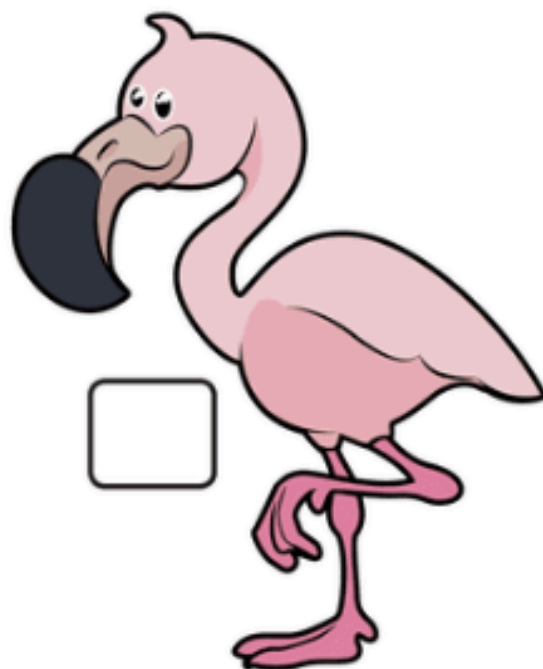
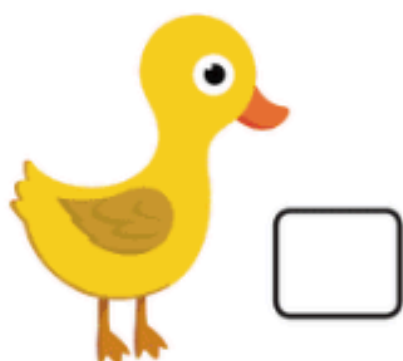
☐☐☐☐



SO SÁNH CAO VÀ THẤP



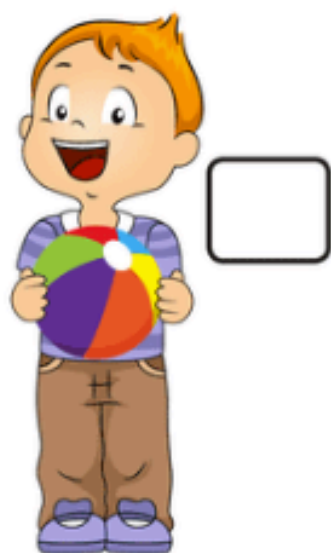
Tích (V) vào hình THẤP hơn





SO SÁNH CAO VÀ THẤP

Tích (V) vào hình CAO hơn

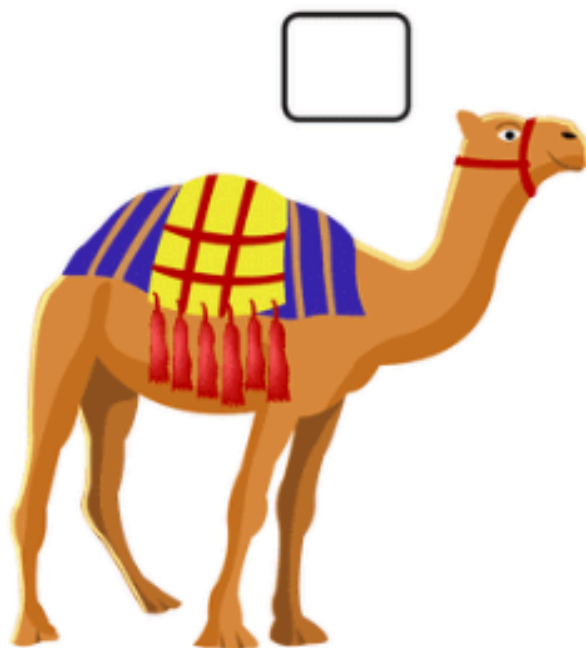
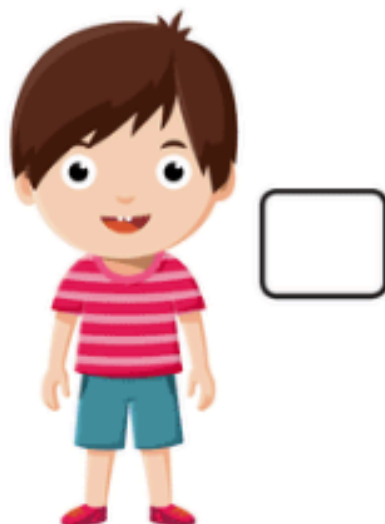




SO SÁNH CAO VÀ THẤP



Tích (V) vào hình THẤP hơn





SO SÁNH CAO VÀ THẤP

Tích (V) vào hình CAO hơn

☐☐☐☐



SO SÁNH NHIỀU VÀ ÍT



Tích (V) vào hình nhiều hơn

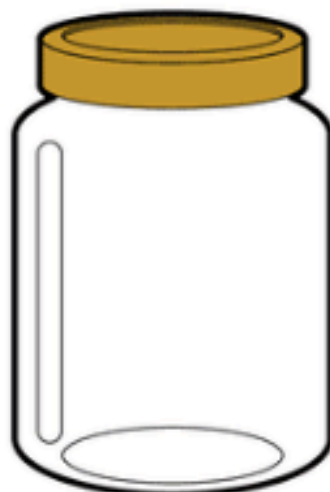
☐☐☐☐



SO SÁNH NHIỀU VÀ ÍT



Tích (V) vào hình nhiều hơn

☐☐☐☐



NHIỀU VÀ ÍT



Tích (V) vào hình ít hơn

☐☐☐☐



NHIỀU VÀ ÍT

Tích (V) vào hình ít hơn

☐☐☐☐



SO SÁNH NÓNG VÀ LẠNH



Nhìn vào các bức tranh bên dưới. NÓNG tích (V), LẠNH tích (X)

☐☐☐☐☐☐☐☐



SO SÁNH NÓNG VÀ LẠNH



Nhìn vào các bức tranh bên dưới. NÓNG tích (V), LẠNH tích (X)

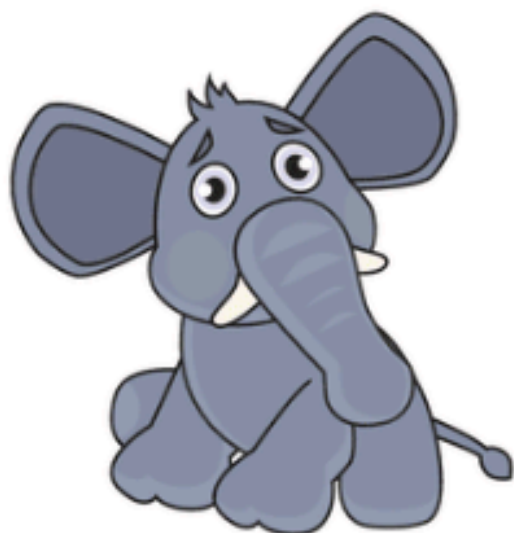
☐☐☐☐☐☐☐☐



SO SÁNH NHANH VÀ CHẬM



Tích (V) vào nhanh và tích (X) vào chậm

☐☐☐☐



SO SÁNH NHANH VÀ CHẬM



Tích (V) vào nhanh và tích (X) vào chậm

☐☐☐☐



SO SÁNH NHANH VÀ CHẬM



Tích (V) vào nhanh và tích (X) vào chậm

☐☐☐☐



SO SÁNH NHANH VÀ CHẬM



Tích (V) vào nhanh và tích (X) vào chậm

☐☐☐☐



NÓI GIỜ ĐÚNG



5:00

3:00

2:00

7:00

11:00

10:00

8:00

4:00



NỐI ĐỒNG HỒ

Bé hãy nối đồng hồ với thời gian tương ứng.



2:00

1:00

5:00

3:00

12:00

8:00

4:00

7:00



NÓI ĐỒNG HỒ

Bé hãy nói đồng hồ với thời gian tương ứng.



10:00

9:00

7:00

5:00

11:00

6:00

8:00

10:00





ĐỒNG HỒ CHỈ MẤY GIỜ

Nhìn vào đồng hồ và viết giờ đúng xuống bên dưới.





















CHỌN GIỜ ĐÚNG

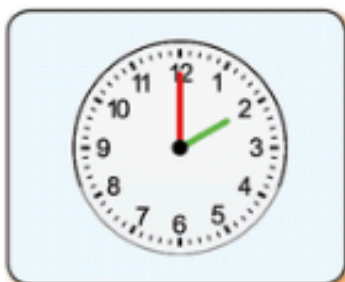


Nhìn vào đồng hồ, hãy tích (V) vào giờ đúng bên dưới



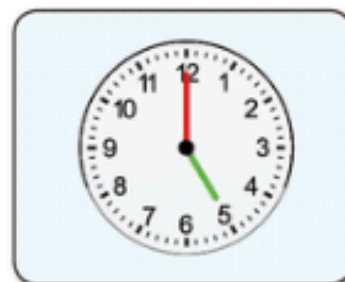
3:00

9:00



11:00

2:00



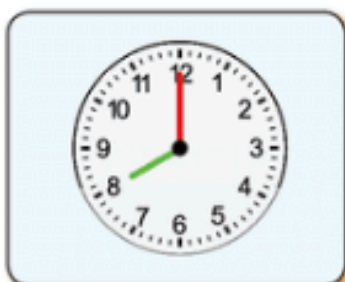
5:00

1:00



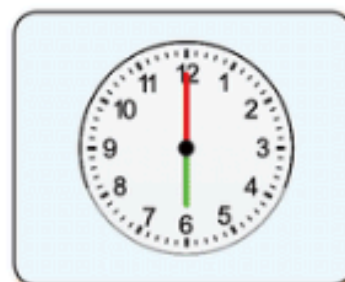
1:00

4:00



8:00

10:00



2:00

6:00



10:00

12:00



1:00

11:00



9:00

3:00



ĐỒNG HỒ CHỈ MẤY GIỜ



10:00



7:00



8:00



9:00



11:00



12:00



ĐỒNG HỒ CHỈ MẤY GIỜ



4:00



1:00



2:00



3:00



5:00



6:00